

Số: /TM-BV
V/v mời cung cấp báo giá

Việt Trì, ngày 26 tháng 5 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: “Mua sắm bổ sung đồ vải, trang phục y tế phục vụ hoạt động tại Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ”, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ.
 - Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Ông Bùi Quang Sơn, Trưởng phòng Hành chính quản trị, điện thoại: 0983.353.267;
 - Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Thông qua đường bưu chính viễn thông, ngoài bì thư ghi rõ gửi báo giá hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Văn thư của Bệnh viện.
 - Địa chỉ tiếp nhận: Bộ phận Văn thư – Phòng Hành chính quản trị, Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ, đường Nguyễn Tất Thành, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
 - Điện thoại: 0210.655.9999 hoặc điện thoại di động 0983.353.267
 - Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trước 9h00 ngày 04 tháng 06 năm 2025 (trong giờ hành chính)
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 30 ngày, kể từ ngày 04 tháng 06 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hàng hoá như sau:

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Năm SX	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Săng trắng kích thước 80 x 80 cm	Thông số kỹ thuật vải: 22,6% Polyeste 77,4% Cotton (Bông) Mật độ Hàng vòng/10cm 152 Mật độ cột vòng/10cm 112 Độ bền kéo đứt: Dọc 324 (N) Ngang 376 (N). Khối lượng thực tế: 289 (g/m2). Độ vón gút sau 7200 vòng quay (cấp): 4 Khả năng ngả vàng của vải (cấp): 4 Ngoại quan của vải sau giặt 40^0C và làm khô (cấp): SA-3,0	Việt Nam	2025	Cái	10	

2	Ga tiêm chủng kích thước 55 x 70 cm, dày 5cm	<p>Chất liệu. Vải thô. Thông số kỹ thuật của vải: 87,9% Polyeste , 12,1% Viscose/cotton Mật độ: Dọc (sợi/10cm) 404, Ngang (sợi/10cm) 195. Khối lượng thực tế: 201,4 (g/m²). Kiểu dệt: Vân điểm Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 40°C,% Dọc : 0,6 , Ngang: 0,2 Độ bền màu giặt, xà phòng ở 40°C cấp: 4-5</p>	Việt Nam	2025	Cái	2	
3	Bộ Blue cán bộ	<p>Tên vải: Vải kaki thun co giãn hoặc tương đương Thành phần: 79,1% Polyester, (6,9 % Cotton, 4,5 % Spandex Mật độ: Dọc (sợi/10cm) 486 , Ngang (sợi/10cm) 378 Khối lượng thực tế: 238,5 (g/m²). Độ bền kéo đứt băng vải: (N) Dọc: 800 , (N) Ngang: 1191 Độ bền xé rách: dọc: 61,4 ; Ngang: 116,3 Hàm lượng Formaldehyt tồn dư trên vải, mg/kg: Không phát hiện</p>	Việt Nam	2025	Bộ	11	
4	Ga cáng kích thước: (184 x 56 x 5) cm	<p>Thông số kỹ thuật của vải: 52,7% Polyeste 47,3% Cotton (bông). Mật độ dọc (sợi/10cm):530. Ngang (sợi/10cm):430 Độ bền kéo đứt, Dọc: 815 (N) Ngang: 627 (N). Khối lượng thực tế: 142g/m².</p>	Việt Nam	2025	cái	20	
5	Ga cáng (xanh)	<p>Chất liệu. Vải thô. Thông số kỹ thuật của vải: 87,9% Polyeste , 12,1% Viscose/cotton Mật độ: Dọc (sợi/10cm) 404, Ngang (sợi/10cm) 195. Khối lượng thực tế: 201,4 (g/m²). Kiểu dệt: Vân điểm Sự thay đổi kích thước sau giặt ở 40°C,% Dọc : 0,6 , Ngang: 0,2 Độ bền màu giặt, xà phòng ở 40°C cấp: 4-5</p>	Việt Nam	2025	Cái	6	
6	Khăn 30 x 30 cm	<p>Khăn 14,7 % Polyeste, 85,3% Bông Mật độ sợi nền: Dọc (sợi/10cm) 138, Ngang (sợi/10cm) 235 Độ bền kéo đứt: Dọc 406 (N), Ngang 286 (N); Tỷ lệ nổi vòng: 6,9 Thời gian hấp thụ nước sau giặt (s): 1 Khối lượng thực tế: 553 (g/m²)</p>	Việt Nam	2025	Cái	300	

7	Săng không lỗ 1m x 1,2m	Thông số kỹ thuật vải: 22,6% Polyeste 77,4% Cotton (Bông) Mật độ Hàng vòng/10cm 152 Mật độ cột vòng/10cm 112 Độ bền kéo đứt: Dọc 324 (N) Ngang 376 (N). Khối lượng thực tế: 289 (g/m ²). Độ vón gút sau 7200 vòng quay (cấp): 4 Khả năng ngả vàng của vải (cấp): 4 Ngoại quan của vải sau giặt 40 ^o C và làm khô (cấp): SA-3,0	Việt Nam	2025	Cái	20	
8	Vỏ gối chống thấm	Chất liệu: Vải thô. Thông số kỹ thuật của vải: 51,0% Polyeste. 49,0% Cotton (bông). Mật độ dọc (sợi/10cm):583. Ngang (sợi/10cm):392. Độ bền kéo đứt, Dọc: 882 (N) Ngang: 512 (N). Khối lượng thực tế 138g/m ² .	Việt Nam	2025	Cái	50	
9	Vỏ gối người lớn	Chất liệu: Vải thô. Thông số kỹ thuật của vải: 51,0% Polyeste. 49,0% Cotton (bông). Mật độ dọc (sợi/10cm):583. Ngang (sợi/10cm):392. Độ bền kéo đứt, Dọc: 882 (N) Ngang: 512 (N). Khối lượng thực tế 138g/m ² .	Việt Nam	2025	Cái	170	
10	Ga trải giường người bệnh	Chất liệu: Vải thô. Thông số kỹ thuật của vải: 52,7% Polyeste 47,3% Cotton (bông). Mật độ dọc (sợi/10cm):530. Ngang (sợi/10cm):430 Độ bền kéo đứt, Dọc: 815 (N) Ngang: 627 (N). Khối lượng thực tế: 142g/m ² .	Việt Nam	2025	Cái	40	
11	Vỏ chăn	Chất liệu: Vải thô. Thông số kỹ thuật của vải: 52,7% Polyeste 47,3% Cotton (bông). Mật độ dọc (sợi/10cm):530. Ngang (sợi/10cm):430 Độ bền kéo đứt, Dọc: 815 (N) Ngang: 627 (N). Khối lượng thực tế: 142g/m ² .	Việt Nam	2025	Cái	20	
11	Áo Phẫu thuật người bệnh	Chất liệu: Vải kaki. Thông số kỹ thuật của vải: 100 % Cotton Mật độ: Dọc (sợi/10cm) 470, Ngang (sợi/10cm) 250 Khối lượng thực tế: 292 (g/m ²). Độ bền kéo đứt bằng vải (N) Dọc: 747, Độ bền kéo đứt bằng vải (N) Ngang: 851 Độ bền xé rách dọc: 14,5, độ bền	Việt Nam	2025	Cái	10	

		xé rách Ngang: 27,5 Hàm lượng Formaldehyt tồn dư trên vải, mg/kg: Không phát hiện					
12	Lõi gói người lớn	Chất liệu: Bông hạt hàn quốc, nhẹ, không vón cục khi giặt	Việt Nam	2025	Cái	50	

2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 30 ngày kể từ khi có đơn đặt hàng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Nhà thầu ứng 100% giá vốn hàng bán ra.

- Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu trong vòng 90 ngày sau khi hai bên ký biên bản bàn giao nghiệm thu hàng hoá. Đồng thời nhà thầu xuất đầy đủ chứng từ theo quy định.

5. Các thông tin khác (nếu có) (Có biểu báo giá kèm theo).

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Marketing & truyền thông;
- Lưu VT, HCQT.

GIÁM ĐỐC

Phạm Thái Hạ

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho danh mục cụ thể như sau:

1. Báo giá cho danh mục liên quan

STT	Danh mục hàng hoá	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Năm sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng/khối lượng	Đơn giá (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)
1									
n	...								

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của danh mục hàng hoá)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 30 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các danh mục nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))